DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 07 GĐ: 203 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	200	ng Thị Kim Anh	28-2-1983	Cng HA	GPB			
2	201	Phm Nhc Ánh	11-6-1981	Cng HA	GPB			
3	202	Nguyn Thị Bình	8-7-1986	Cng HA	GPB			
4	203	Chu Quc Công	22-11-1982	Cng HA	GPB			
5	204	Cung Vn ng	18-5-1984	Cng HA	GPB			
6	205	Nguyn Vn Giang	17-8-1984	Cng HA	GPB			
7	206	ng Huy Hoàng	16-9-1987	Cng HA	GPB			
8	207	Nguyn Thùy Linh	14-4-1984	Cng HA	GPB			
9	208	Lê Hoàng Long	14-10-1988	Cng HA	GPB			
10	209	Trn Thị Nga	27-7-1986	Cng HA	GPB			
11	210	Nguyn Bình Sn	14-9-1978	Cng HA	GPB			
12	211	Nguyn Phng Thúy	10-4-1987	Cng HA	GPB			
13	212	Nguyn Thị Huyên	16-9-1986	HH-TM	GPB			
14	213	ninh Thị Hnh Lâm	21-2-1984	HH-TM	GPB			
15	214	Phm Thị Thu	8-12-1980	HH-TM	GPB			
16	215	Phùng Thị Thanh Vân	20-8-1987	HH-TM	GPB			
17	216	Phm Thị Vng	9-10-1979	HH-TM	GPB			
18	217	Lê Hoài Giang	7-10-1984	Cng HA	GPB			CH23
19	218	ninh Quang Thng	18-10-1980	Cng HA	GPB			CH23
20	601	Nguyn Thị Linh		Mô phôi	GPB			CH23
21	602	Nguyn Thị Chuyên		Mô phôi	GPB			CH23
22								
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								

Tng s hc viên: é é é é é é é . SBD vng: é ..é é é
S bài thi:é é é é é é é é é é . S t giy thi: é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 08 GĐ: 205 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	219	Nguy n VŁn ChiQu	23-6-1984	Ung th e	GPB			
2	220	Tr n Hoàng n i p	6-2-1985	Ung th e	GPB			
3	221	n Hng TiJn Giang	28-12-1986	Ung th e	GPB			
4	222	Hoàng Th Hà	9-5-1984	Ung th e	GPB			
5	223	Nguy n Th Hà	26-6-1986	Ung th e	GPB			
6	224	Nguy n MÜnh Hà	9-3-1982	Ung th e	GPB			
7	225	PhÜm VŁn HŢo	20-3-1984	Ung th e	GPB			
8	226	Lý Th Thu HiQn	1-7-1986	Ung th e	GPB			
9	227	Nguy n Ng c Hùng	16-7-1986	Ung th e	GPB			
10	228	Nguy n Trung Kiên	30-7-1987	Ung th e	GPB			Hoãn thi
11	229	n Mai Linh	6-1-1988	Ung th e	GPB			
12	230	Nguy n Th Giang Oanh	10-7-1985	Ung th e	GPB			
13	231	Tr ng Th KiQu Oanh	4-7-1987	Ung th e	GPB			
14	232	PhÜm Th Ph ng	8-2-1986	Ung th e	GPB			
15	233	Lê VŁn Sn	25-4-1985	Ung th e	GPB			
16	234	Lê Duy Sn	14-2-1985	Ung th e	GPB			
17	235	Lê Th S ng	7-5-1987	Ung th e	GPB			
18	236	Bùi Th Tâm	22-2-1981	Ung th e	GPB			
19	237	Nguy n Th Thanh Tâm	24-9-1987	Ung th e	GPB			
20	238	Tr n n ình Tân	20-2-1986	Ung th e	GPB			
21	239	Nguy n VŁn Thdng	16-11-1983	Ung th e	GPB			
22	240	Thân VŁn Th nh	21-3-1983	Ung th e	GPB			
23	241	L u Kim Tr ng	7-6-1984	Ung th e	GPB			
24	242	PHONESAVANH THAMN	28-2-1990	Ung th e	GPB			
25	243	Lê Th Thu Nga	19.08.1983	Ung th e	GPB			NCS34
26	244	Nguy n Thanh Hùng	31.10.1980	Ung th e	GPB			NCS34
27	245	Nguy n Quang H ng	19.04.1977	Ung th e	GPB			NCS34
28	246	Nguy n Thái Sn	14.01.1976	Ung th e	GPB			NCS34
29								
30								
31								

T ng s h c viên: é é é é é é é . SBD vdng: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S bài thi: é é é é é é é é é é . S t giÜy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 09 GĐ: 207 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	247	TrÊn Tú Anh	12-4-1985	GMHS	HH-TM			
2	248	Lâm Th¸ H¬ng	2-9-1987	GMHS	HH-TM			
3	249	PhÜm Lê Hoàn	8-5-1985	GMHS	HH-TM			
4	250	PhÜm Hòa H¬ng	26-5-1983	GMHS	HH-TM			
5	251	PhÜm Th¸ Miên	21-10-1986	GMHS	HH-TM			
6	252	®µ Thanh Minh	28-8-1983	GMHS	HH-TM			
7	253	®oàn Trung Quyền	18-11-1985	GMHS	HH-TM			
8	254	®Ng HÒi Sơn	29/5/1986	GMHS	HH-TM			
9	255	Nguyễn Xuân Thề	20-11-1988	GMHS	HH-TM			
10	256	Lê ®ình TuÊn	12-10-1986	GMHS	HH-TM			
11	257	Nguyễn Anh H¬ng	20.12.1981	GMHS	HH-TM			NCS34
12	258	Nguyễn HÒi Ph¬ng	1-4-1988	Hóa sinh	Hóa PT-HC			
13	259	Nguyễn Th¸ Ph¬ng ThÒo	7-2-1984	Hóa sinh	Hóa PT-HC			
14	260	TrÊn Quỳnh Trang	23-11-1985	Hóa sinh	Hóa PT-HC			
15	261	Hoàng Th¸ YÒn	24.04.1974	Hóa sinh	Hóa PT-HC			NCS34
16	262	Lê Th¸ H¬ng	10-2-1983	Hóa sinh	Hóa PT-HC			CH23
17	263	®µ Th¸ HiÒn	28-12-1985	Hóa sinh	Hóa PT-HC			CH23
18	264	Nguyễn Quang HiÒu	30-10-1983	Hóa sinh	Hóa PT-HC			CH23
19	265	Nguyễn Th¸ Thủy	10-9-1986	Hóa sinh	Hóa PT-HC			CH23
20								
21								
22								
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								

Tổng số học viên: é é é é é é é . SBD vắng: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

Số bài thi: é é é é é é é é é é . Số tờ giấy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 10 GĐ: 208 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	266	Nguy¸n Long An	5-9-1987	HSCC	D-Ề c lý			
2	267	H° Yên Ca	20-2-1987	HSCC	D-Ề c lý			
3	268	Lê VŁn DX¾n	9-5-1986	HSCC	D-Ề c lý			
4	269	Phùng VŁn DÌng	19-1-1986	HSCC	D-Ề c lý			
5	270	Nghiêm Th¸ Ph-Œng H° ng	28-8-1987	HSCC	D-Ề c lý			
6	271	L-Œng MÜnh Hùng	6-11-1980	HSCC	D-Ề c lý			
7	272	Nguy¸n TÈn Hùng	26-1-1986	HSCC	D-Ề c lý			
8	273	Nguy¸n Th¸ Mai H-Œng	18-3-1989	HSCC	D-Ề c lý			
9	274	¸o Th¸ H-Œng	6-7-1982	HSCC	D-Ề c lý			
10	275	VÌ ¸nh Kiên	24-9-1984	HSCC	D-Ề c lý			
11	276	Phan Ng¸c Nhu	17-10-1986	HSCC	D-Ề c lý			
12	277	PhÜm ¸nh Phi	20-6-1983	HSCC	D-Ề c lý			
13	278	TrÈn Ph-Œng	19/8/1986	HSCC	D-Ề c lý			
14	279	Phan VŁn Quynh	29-12-1984	HSCC	D-Ề c lý			
15	280	PhÜm Nh-ŒQu¾nh	1-6-1985	HSCC	D-Ề c lý			
16	281	VÌ H¸u Th¾ng	21/6/1986	HSCC	D-Ề c lý			
17	282	Phan B¸o Trung	25-2-1984	HSCC	D-Ề c lý			
18	283	Hà Thanh VŁn	10-8-1985	HSCC	D-Ề c lý			
19	602	Hà Lan Ph-Œng		SKNN	D-Ề c lý			NCSYH
20	603	L¸ VŁn Tùng		SKNN	D-Ề c lý			NCSYH
21								
22								
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								

T¨ ng s´ h¸ c viên: é é é é é é é . SBD vaØng: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S´ bài thi:é é é é é é é é é é . S´ t¸ giÈy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 11 GĐ: 305 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	284	Nguy n Ng c An	1-9-1984	N i khoa	Hóa sinh			
2	285	ng Th Kim Anh	27-5-1987	N i khoa	Hóa sinh			
3	286	Lê Tu n Anh	14-11-1983	N i khoa	Hóa sinh			
4	287	Tr n Th Ng c B ng	17-6-1983	N i khoa	Hóa sinh			
5	288	V Huy Bình	26-4-1984	N i khoa	Hóa sinh			
6	289	Phan Th Thanh Bình	3-10-1987	N i khoa	Hóa sinh			
7	290	Lê Th Thùy Dung	6-5-1987	N i khoa	Hóa sinh			
8	291	Lê Th Dung	1-10-1988	N i khoa	Hóa sinh			
9	292	V M nh Duy	25-12-1984	N i khoa	Hóa sinh			
10	293	V n Hoàng H i	16/4/1986	N i khoa	Hóa sinh			
11	294	Nguy n Th Thanh Hòa	6-11-1986	N i khoa	Hóa sinh			
12	295	Hoàng Th Bích Hu	5-5-1985	N i khoa	Hóa sinh			
13	296	Nguy n V n H ng	30-8-1985	N i khoa	Hóa sinh			
14	297	Ph m Thanh H ng	15-9-1986	N i khoa	Hóa sinh			
15	298	Ch Quang Huy	24-12-1987	N i khoa	Hóa sinh			
16	299	Lý Tr n Kiên	14-3-1984	N i khoa	Hóa sinh			
17	300	Nguy n V n L p	10-7-1983	N i khoa	Hóa sinh			
18	301	Nguy n Th Khánh Linh	1-7-1982	N i khoa	Hóa sinh			
19	302	L c Lê Long	16-7-1988	N i khoa	Hóa sinh			
20	303	Nguy n Th M h	9-6-1985	N i khoa	Hóa sinh			
21	304	inh Mai Qu nh Nga	5-1-1987	N i khoa	Hóa sinh			
22	305	Hoàng nh Nguyên	5-11-1986	N i khoa	Hóa sinh			
23	306	Bùi Minh Nguy t	29-10-1988	N i khoa	Hóa sinh			
24	307	Võ Th Nhung	30-11-1985	N i khoa	Hóa sinh			
25	308	Tr n Th H ng Ph ng	30-6-1985	N i khoa	Hóa sinh			
26	309	V n c Ph ng	19-9-1985	N i khoa	Hóa sinh			
27	310	V Lan Ph ng	9-12-1986	N i khoa	Hóa sinh			
28	311	SOEUNG SOPHANY	1-3-1988	N i khoa	Hóa sinh			
29	312	MOV SHOPHORN	19-3-1988	N i khoa	Hóa sinh			
30	313	OU SAMDY	13-1-1988	N i khoa	Hóa sinh			
31								

T ng s h c viên: é é é é é é é . SBD v ng: é é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S bài thi: é é é é é é é é é é . S t giy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 12 GĐ: 302 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	314	Lê VŁn Shn	23-12-1987	N¸i khoa	Hóa sinh			Hoãn thi
2	315	Nguy¸n Th¸ Thanh Tâm	1-6-1987	N¸i khoa	Hóa sinh			
3	316	Nguy¸n MÜnh Thdng	10-12-1983	N¸i khoa	Hóa sinh			
4	317	Nguy¸n VŁn Thdng	5-5-1985	N¸i khoa	Hóa sinh			
5	318	VÌ Hoài Thu	7-9-1986	N¸i khoa	Hóa sinh			
6	319	Cao Th¸ Th¸y	3-11-1982	N¸i khoa	Hóa sinh			
7	320	PhÜm Th¸ Hà Trang	13-8-1989	N¸i khoa	Hóa sinh			
8	321	VÌ Xuân TriWu	25-7-1984	N¸i khoa	Hóa sinh			
9	322	Hoàng Anh Trung	15-6-1988	N¸i khoa	Hóa sinh			
10	323	Lê Anh TuŁn	14-7-1981	N¸i khoa	Hóa sinh			
11	324	Nguy¸n VŁn TuyJn	6-3-1988	N¸i khoa	Hóa sinh			
12	325	¸ Thúy Vân	13-8-1987	N¸i khoa	Hóa sinh			
13	326	VÌ Th¸ Duyên	14-10-1986	N¸i khoa	Hóa sinh			
14	327	Nguy¸n Th¸ HuyQn	20-10-1987	N¸i khoa	Hóa sinh			
15	328	Nguy¸n Quang HÔng	06-11-1984	HH-TM	Hóa sinh			CH23
16	329	Nguy¸n TrÊ ng Khoa	07-02-1983	N¸i khoa	Hóa sinh			CH23
17	330	Mai ¸ ình Minh	14-01-1984	N¸i khoa	Hóa sinh			CH23
18	331	Nguy¸n Th¸ Ngân	03-06-1983	N¸i khoa	Hóa sinh			CH23
19	332	Chhum Yothyrith	25-04-1983	N¸i khoa	Hóa sinh			CH23
20	333	Heap Meng Sun	01-07-1988	N¸i khoa	Hóa sinh			CH23
21	334	Alounny Sisaykeo	10-01-1989	N¸i khoa	Hóa sinh			CH23
22	335	Nguy¸n Th¸ Trúc QuÔnh	30-09-1988	SLB-MD	Hóa sinh			CH23
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								
32								
33								
34								
35								
36								

T¸ng s¸ h¸c viên: é é é é é é é . SBD vdng: é é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S¸ bài thi: é é é é é é é é é é . S¸ t¸ giÜy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 13 GĐ: 303 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	336	Nguy n Minh Châu	26-7-1986	Tim m ch	Cn HA			
2	337	Tr n Sinh C ng	30-8-1988	Tim m ch	Cn HA			
3	338	Nguy n Kinh n ô	11-9-1985	Tim m ch	Cn HA			
4	339	Nguy n Anh D ng	17-12-1981	Tim m ch	Cn HA			
5	340	Nguy n V n H i	14-4-1983	Tim m ch	Cn HA			
6	341	Nguy n Th Mai H ng	25-8-1986	Tim m ch	Cn HA			Hoãn thi
7	342	Nghiêm Xuân Khánh	21-2-1988	Tim m ch	Cn HA			
8	343	Tr n Ng c Lan	16-1-1987	Tim m ch	Cn HA			
9	344	Nguy n Th Linh	14-10-1987	Tim m ch	Cn HA			
10	345	Nguy n H u Long	20-2-1988	Tim m ch	Cn HA			
11	346	Nguy n Th H ng Ng c	9-4-1988	Tim m ch	Cn HA			
12	347	BRAK YOUNG	2-3-1987	Tim m ch	Cn HA			
13	348	VANN KIMPHY	8-3-1987	Tim m ch	Cn HA			
14	349	SOMON SOPHEARUM	15-6-1989	Tim m ch	Cn HA			
15	350	n ào H ng Quân	22-8-1986	Tim m ch	Cn HA			
16	351	Nguy n Tá Tâm	16-5-1987	Tim m ch	Cn HA			
17	352	Phùng n c Thúy	21-6-1986	Tim m ch	Cn HA			
18	353	Mai V n Toàn	12-3-1986	Tim m ch	Cn HA			
19	354	Cao Minh Tr ng	13-5-1985	Tim m ch	Cn HA			
20	355	Tr n V n Vang	11-8-1984	Tim m ch	Cn HA			
21	356	Ph m Hoàng Y n	4-7-1983	Tim m ch	Cn HA			
22	357	Tr n Th Thanh Huy n	27-10-1988	YSHDT	Mi n d ch			
23	358	Lê Ti n n t	28-12-1984	GPB	Mi n d ch			
24	359	Ph m Th Mây	12-4-1980	GPB	Mi n d ch			
25	360	Nguy n Th H ng Nga	9-5-1984	GPB	Mi n d ch			
26	361	D ng Th Ngân	15-6-1988	GPB	Mi n d ch			
27	362	Nguy n Th Ng n	25-7-1989	GPB	Mi n d ch			
28	363	n Hng Th M: Ng c	1-10-1984	GPB	Mi n d ch			
29	364	Nguy n Thu Th y	8-2-1988	GPB	Mi n d ch			
30	365	n inh Vi t B o	04.09.1981	GPB	Mi n d ch			NCS34
31								

T ng s h c viên: é é é é é é é . SBD v ng: é é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S bài thi:é é é é é é é é é é . S t giấy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 14 GĐ: 304 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	366	TrFn Th Trang Anh	28-4-1989	Nhi	Phôi thai h c			
2	367	Nguy n Th Lan Anh	4-6-1986	Nhi	Phôi thai h c			
3	368	n oàn Th Ng c Hoa	25-10-1986	Nhi	Phôi thai h c			
4	369	L u Th Hoa	17-6-1987	Nhi	Phôi thai h c			
5	370	Ph m V n Hòa	3-1-1985	Nhi	Phôi thai h c			
6	371	Nguy n Ph ng H ng	17-1-1983	Nhi	Phôi thai h c			
7	372	Ph m Công Khác	2-5-1983	Nhi	Phôi thai h c			
8	373	VÌ Th Linh	1-10-1987	Nhi	Phôi thai h c			
9	374	n Th Thanh Loan	7-2-1984	Nhi	Phôi thai h c			
10	375	VÌ Mai Long	21-1-1987	Nhi	Phôi thai h c			
11	376	TrFn Th M nh	7-1-1983	Nhi	Phôi thai h c			
12	377	Nguy n Th Ph ng Ngân	11-11-1987	Nhi	Phôi thai h c			
13	378	Ngô Th Oanh	20-4-1982	Nhi	Phôi thai h c			
14	379	TrFn Quý	20-9-1983	Nhi	Phôi thai h c			
15	380	Nguy n Thanh Tâm	15-5-1983	Nhi	Phôi thai h c			
16	381	Nguy n n c Tâm	23-4-1986	Nhi	Phôi thai h c			
17	382	L u H ng Thái	22-6-1986	Nhi	Phôi thai h c			
18	383	VÌ H u Th i	4-1-1982	Nhi	Phôi thai h c			
19	384	n Hng Qu nh Trang	24-10-1984	Nhi	Phôi thai h c			
20	385	Lê Tr ng Tú	3-10-1989	Nhi	Phôi thai h c			
21	386	Nguy n Trung HiJu	15-2-1982	Nhi	Phôi thai h c			Ko L n K
22	387	Phan Th Nga	2-1-1985	Nhi	Phôi thai h c			
23	388	Bùi Th H ng Trà	29-11-1986	Nhi	Phôi thai h c			
24	389	n oàn Th Nguy t Linh	24-11-1990	GP ng i	Phôi thai h c			
25	390	n inh S: M nh	9-9-1986	GP ng i	Phôi thai h c			
26	391	Lê Minh TiJh	4-10-1983	GP ng i	Phôi thai h c			
27								
28								
29								
30								
31								

T ng s h c viên: é é é é é é é . SBD vng: é é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S bài thi:é é é é é é é é é é . S t giy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 15 GĐ: 101 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	392	Phí Thị Minh Huệ	31-5-1989	Dược liệu	Vi sinh			
2	393	VỀ Thị Ngọc Hằng	21-11-1985	Dược liệu	Vi sinh			
3	394	Đào Thị Mai Hằng	5-1-1983	Dược liệu	Vi sinh			
4	395	Nguyễn Thị Tố Thanh Huyền	5-9-1989	Dược liệu	Vi sinh			
5	396	Nguyễn Thị Hà Minh	5-10-1986	Dược liệu	Vi sinh			
6	397	Trịnh Thái Phương	3-4-1988	Dược liệu	Vi sinh			
7	398	Đỗ Quang Trường	27-3-1969	Dược liệu	Vi sinh			
8	399	Thái Thanh Vân	29-2-1984	Dược liệu	Vi sinh			
9	400	Phùm Diễm Thúy		Dược liệu	Vi sinh			NCS108
10	401	VỀ Thanh Bình	28-5-1987	YHGĐ	TVGDSK			
11	402	Phan Trường Đức	15-9-1985	YHGĐ	TVGDSK			
12	403	Ninh Thị Dung	8-6-1989	YHGĐ	TVGDSK			
13	404	Nguyễn Thị Quỳnh	24-11-1989	YHGĐ	TVGDSK			
14	405	Nguyễn Thị Kim Dinh	15-8-1984	YHCT	Y lý			
15	406	Nguyễn Tiến Dũng	9-4-1979	YHCT	Y lý			
16	407	Phùm Hồi Đăng	9-1-1988	YHCT	Y lý			
17	408	Trần Quang Hồng	13/10/1986	YHCT	Y lý			
18	409	Nguyễn Thị Thương Huyền	31-1-1982	YHCT	Y lý			
19	410	Nguyễn Thị Luân	8-1-1988	YHCT	Y lý			
20	411	Nguyễn Thị Kim Ngân	7-2-1986	YHCT	Y lý			
21	412	Nguyễn Thị Bình Nguyên	19-4-1984	YHCT	Y lý			
22	413	Lê Thị Kim Oanh	16-4-1984	YHCT	Y lý			
23	414	Hoàng Thị Kim Thanh	20-2-1988	YHCT	Y lý			
24	415	Hoàng Thị Thắn	20-1-1985	YHCT	Y lý			
25	416	VỀ Thị Thu Trang	4-11-1987	YHCT	Y lý			
26	417	VỀ Văn Út	7-8-1985	YHCT	Y lý			
27	418	Phùm VỀ	17-5-1981	YHCT	Y lý			
28	600	Nguyễn Thanh Hằng		YHCT	Y lý			NCS Qđ
29								
30								
31								

Tổng số học viên: ..... SBD vắng: .....
Số bài thi: ..... Số tờ giấy thi: .....

CÁN BỘ COI THI 1
(ký và ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 16 GĐ: 102 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	419	Nguy n Vân Thu	31-7-1989	Vi sinh	YSHDT			
2	420	VÌ Th Nguy t Minh	15-6-1990	Sinh lý	YSHDT			
3	421	Nguy n Th Ph ng Th o	13-8-1986	Sinh lý	YSHDT			
4	422	n Hng Th Tuy	7-12-1986	Sinh lý	YSHDT			
5	423	Nguy n Th Duyên	2-12-1983	SLB-MD	SLB			
6	424	Nguy n Th Thúy Mu	3-7-1988	SLB-MD	SLB			
7	425	Nguy n Th Thanh	11-6-1987	SLB-MD	SLB			
8	426	Nguy n Th Hi Y	6-10-1988	SLB-MD	SLB			
9	427	Hoàng Tu i Anh	21-8-1986	Nhãn khoa	VLQH			
10	428	VÌ Th Châu	10-10-1985	Nhãn khoa	VLQH			
11	429	n Hng VÌ C ng	21-9-1987	Nhãn khoa	VLQH			
12	430	Nguy n Ti n t	25-11-1987	Nhãn khoa	VLQH			
13	431	Bùi Th D u	8-10-1986	Nhãn khoa	VLQH			
14	432	Nguy n Th Thanh Dung	26-10-1987	Nhãn khoa	VLQH			
15	433	Ph m Th H ng D ng	22-12-1985	Nhãn khoa	VLQH			
16	434	n oàn H ng Giang	7-11-1987	Nhãn khoa	VLQH			
17	435	Lê Th Thu Hà	19-8-1988	Nhãn khoa	VLQH			Ko L n k
18	436	Nguy n Ti n H o	25-12-1987	Nhãn khoa	VLQH			
19	437	Nguy n Th Thanh Nga	20-7-1985	Nhãn khoa	VLQH			
20	438	n ào Th Kim Nhung	19-12-1985	Nhãn khoa	VLQH			
21	439	Nguy n n c Quang	3-1-1987	Nhãn khoa	VLQH			
22	440	Tr ng Th Thanh Th o	21-11-1988	Nhãn khoa	VLQH			
23	441	Nguy n Th Xuân Trang	24-12-1986	Nhãn khoa	VLQH			Ko L n k
24	442	Ph m Th Vân	14-5-1981	Nhãn khoa	VLQH			
25	443	Nguy n n c Nam	20-4-1983	Nhãn khoa	VLQH			CH23
26	444	Chu Th Thi	8-7-1984	Nhãn khoa	VLQH			CH23
27	445	Nguy n n c Linh	17-9-1989	PTTH	PTTN			
28	446	VÌ Duy D ng	26.08.1975	PTTH	PTTN			NCS34
29								
30								
31								

T ng s h c viên: é é é é é é é . SBD v ng: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S bài thi: é é é é é é é é é é . S t giy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 17 GĐ: 103 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	447	Lê Ng c Anh	29-10-1987	Ngoi khoa	PTTN			
2	448	VÌ Ng c Anh	21-9-1985	Ngoi khoa	PTTN			
3	449	Lê n c Anh	25/7/1985	Ngoi khoa	PTTN			
4	450	TUThanh Chi	22-8-1988	Ngoi khoa	PTTN			
5	451	Tr n Quý D ng	20-9-1986	Ngoi khoa	PTTN			
6	452	n ào V n D ng	24-12-1986	Ngoi khoa	PTTN			
7	453	Lê Minh H i	11-4-1984	Ngoi khoa	PTTN			
8	454	VÌ Ng c Hunh	22-7-1984	Ngoi khoa	PTTN			
9	455	VÌ Tr ng Hunh	18-8-1978	Ngoi khoa	PTTN			
10	456	Lê Công Hi	1-11-1987	Ngoi khoa	PTTN			
11	457	Hà n c Linh	1-9-1984	Ngoi khoa	PTTN			
12	458	T Duy Linh	21-11-1988	Ngoi khoa	PTTN			
13	459	n du n ình Lu n	26/01/1982	Ngoi khoa	PTTN			
14	460	Nguy n C nh Munh	1-3-1985	Ngoi khoa	PTTN			
15	461	Phan Thanh Nam	22-9-1987	Ngoi khoa	PTTN			
16	462	Quàng Xuân Ng c	30/4/1985	Ngoi khoa	PTTN			
17	463	LOEK TOEUR	10-10-1986	Ngoi khoa	PTTN			
18	464	KEANG TOLA	13-9-1985	Ngoi khoa	PTTN			
19	465	TEP LUNHENG	22-2-1986	Ngoi khoa	PTTN			
20	466	THAI DINAL	24-12-1986	Ngoi khoa	PTTN			
21	467	Tr n Quy	10-9-1987	Ngoi khoa	PTTN			
22	468	Lê n c Thành	5-6-1985	Ngoi khoa	PTTN			
23	469	Phan V n Thành	16-10-1987	Ngoi khoa	PTTN			
24	470	n inh Khc Tr ng	10-2-1986	Ngoi khoa	PTTN			
25	471	Nguy n Huy Tu	6-2-1982	Ngoi khoa	PTTN			
26	472	Nguy n H ng Vi t	8-3-1985	Ngoi khoa	PTTN			
27	473	Nguy n B ng Vi t	26-9-1985	Ngoi khoa	PTTN			
28	474	Tr n H ng V ng	14-7-1986	Ngoi khoa	PTTN			
29	475	Lê Công Bình	09.04.1982	Ngoi khoa	PTTN			NCS34
30	476	Panomcone KHONGTHONG	04.05.1969	Ngoi khoa	PTTN			NCS34
31								

T ng s h c viên: é é é é é é é . SBD v ng: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S bài thi: é é é é é é é é é é . S t giy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 18 GĐ: 104 - HĐD

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	477	Lê Na	21-6-1984	ThFn kinh	Sinh lý			
2	478	Hoàng Ng` c An	25-5-1988	TMH	Sinh lý			
3	479	Tr-Gng Xuân Bang	12-4-1986	TMH	Sinh lý			
4	480	Hà Thanh Bình	15-8-1983	TMH	Sinh lý			
5	481	Phan n¨ c Chính	9-8-1987	TMH	Sinh lý			
6	482	Tôn Công C-Gng	8-12-1988	TMH	Sinh lý			
7	483	Hà Th` Dung	10-11-1986	TMH	Sinh lý			
8	484	Nguy¨n Ph-Gng Dung	22-3-1986	TMH	Sinh lý			
9	485	PhÜm VÌ H° ng HÜnh	7-1-1985	TMH	Sinh lý			
10	486	Nguy¨n VŁn H` c	19-12-1987	TMH	Sinh lý			
11	487	Chu Th` H° ng	9-12-1986	TMH	Sinh lý			
12	488	Nguy¨n Th` Thu HuyQn	3-8-1984	TMH	Sinh lý			
13	489	TrFn Qu´ c Khánh	1-9-1983	TMH	Sinh lý			
14	490	Nguy¨n Duy Khánh	21-9-1986	TMH	Sinh lý			
15	491	Lê Huy Kiên	26-9-1984	TMH	Sinh lý			
16	492	VÌ Th` Loan	2-2-1986	TMH	Sinh lý			
17	493	D-Gng n¡ ình L-Gng	5-2-1987	TMH	Sinh lý			
18	494	n¡ àm Thanh Mai	16-1-1983	TMH	Sinh lý			
19	495	Lê HÇi Nam	7-4-1987	TMH	Sinh lý			
20	496	TrFn VŁn Oai	25-11-1988	TMH	Sinh lý			
21	497	Lê NhÈt Oai	10-10-1987	TMH	Sinh lý			
22	498	Nguy¨n H¨ u Phúc	6-4-1988	TMH	Sinh lý			
23	499	Hoàng H° ng Tâm	16-6-1988	TMH	Sinh lý			
24	500	Nguy¨n Th` Ph-Gng ThÇo	10-8-1983	TMH	Sinh lý			
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								

T° ng s´ h` c viên: é é é é é é é . SBD vang: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

S´ bài thi:é é é é é é é é é é . S´ t` giÈy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 19 GĐ: 201 - B4

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	501	AN CHAN SOPHY	8-10-1987	TMH	Sinh lý			
2	502	Kheang Chan Dara	15/04/1985	TMH	Sinh lý			
3	503	NUTH SOPHEAKTRA	10-5-1990	TMH	Sinh lý			
4	504	VÌ Th Thu Th y	30-10-1985	TMH	Sinh lý			
5	505	Nguy n Th Ph ng Thúy	13-11-1985	TMH	Sinh lý			
6	506	VÌ VŁn TiJh	28-12-1987	TMH	Sinh lý			
7	507	TrŒn Chu Tr nh	14-11-1986	TMH	Sinh lý			
8	508	Ngô VŁn Tr ng	6-11-1981	TMH	Sinh lý			
9	509	Hoàng Thanh Tùng	15-8-1987	TMH	Sinh lý			
10	510	Nguy n VŁn Xuyên	30-1-1984	TMH	Sinh lý			
11	511	Nguy n Hoàng YJh	22-2-1984	TMH	Sinh lý			
12	512	VÌ Th Lan Anh	3-11-1987	SŒn	Sinh lý			
13	513	Tr ng Ng c Ánh	27-10-1985	SŒn	Sinh lý			
14	514	Nguy n Ph m TiJh n Ut	5-10-1982	SŒn	Sinh lý			
15	515	Nguy n VŁn n ng	10-10-1986	SŒn	Sinh lý			
16	516	Tr nh VŁn Du	10-2-1986	SŒn	Sinh lý			
17	517	Hoàng Th Minh D ng	6-12-1988	SŒn	Sinh lý			
18	518	Nguy n Th Giang	29-8-1987	SŒn	Sinh lý			
19	519	n Hng Th Vi t H ng	22-12-1986	SŒn	Sinh lý			
20	520	Nguy n Th HiQn	23-7-1987	SŒn	Sinh lý			
21	521	Nguy n Th HiQn	3-6-1987	SŒn	Sinh lý			
22	522	Bùi VŁn HiJu	13/4/89	SŒn	Sinh lý			
23	523	Nguy n M nh Hùng	31-7-1983	SŒn	Sinh lý			
24	524	Nguy n Th Thu H ng	6-7-1983	SŒn	Sinh lý			
25	525	Chu Th Thu H ng	22-2-1981	SŒn	Sinh lý			
26	526	Hoàng Th Thu HuyQn	4-12-1988	SŒn	Sinh lý			
27								
28								
29								
30								
31								

T ng s h c viên: é é é é é é é . SBD vng: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é
S bài thi:é é é é é é é é é é . S t giy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC KHÓA XXIV THI MÔN CƠ SỞ

Thời gian thi: 8h00' ngày 05 - 12 - 2015 Phòng thi số: 20 GĐ: 202 - B4

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Chuyên ngành	Môn thi	Số tờ	Kí nộp bài	Ghi chú
1	527	TrÊn Thùy Linh	6-10-1987	SÏn	Sinh lý			
2	528	Bùi nÕc Linh	15-10-1983	SÏn	Sinh lý			
3	529	TrÊn Th¸ Ng©c Linh	12-1-1983	SÏn	Sinh lý			
4	530	PhÙm Xuân Minh	26-7-1986	SÏn	Sinh lý			
5	531	Nguyễn Th¸ Nga	20-11-1986	SÏn	Sinh lý			
6	532	Nguyễn Th¸ Ng©c	7-6-1985	SÏn	Sinh lý			
7	533	Nguyễn Hữu Nhật	26-10-1983	SÏn	Sinh lý			
8	534	Lê nÕc Quỳnh	13-2-1984	SÏn	Sinh lý			
9	535	Phan Thanh Sơn	10-12-1987	SÏn	Sinh lý			
10	536	Ngô Th¸ Thanh	3-4-1986	SÏn	Sinh lý			
11	537	Nguyễn Th¸ Thêm	12-4-1984	SÏn	Sinh lý			
12	538	Trịnh Th¸ Thúy	19-12-1988	SÏn	Sinh lý			
13	539	HANH SOKANHA	1-7-1989	SÏn	Sinh lý			
14	540	KON KORNG	15-5-1989	SÏn	Sinh lý			
15	541	KHORN KHAN	4-4-1989	SÏn	Sinh lý			
16	542	SENGCHANH PHONEMI	28-1-1987	SÏn	Sinh lý			
17	543	nào Th¸ HuyỀn Trang	20-12-1985	SÏn	Sinh lý			
18	544	Nguyễn Th¸ Thu Trang	9-10-1985	SÏn	Sinh lý			
19	545	TrÊn VĂn Tú	1-6-1987	SÏn	Sinh lý			
20	546	TrÊn Quốc TuÊn	25-10-1985	SÏn	Sinh lý			
21	547	Lù Th¸ Thanh TuyỀn	2-10-1986	SÏn	Sinh lý			
22	548	Nguyễn Hoàng Khánh	21-10-1985	Tim mÙch	Sinh lý			CH23
23								
24								
25								
26								
27								
28								
29								
30								
31								

Tổng số học viên: é é é é é é é . SBD vắng: é é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é

Số bài thi: é é é é é é é é é é . Số tờ giấy thi: é é é é é é é é é é é é é é é é é é ..é é é .

CÁN BỘ COI THI 1
(*ký và ghi rõ họ tên)*

CÁN BỘ COI THI 2
(ký và ghi rõ họ tên)